

QUYẾT ĐỊNH
SƠ THẨM GIẢI QUYẾT VIỆC LAO ĐỘNG
V/v Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ LONG XUYỀN

Thành phần giải quyết việc lao động gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên họp: Bà Lê Thị Bé Thu
- Thư ký phiên họp: Bà Lý Ngọc Dung – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên tham gia phiên họp: Bà Trần Yến Thương – Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 11 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên mở phiên họp sơ thẩm công khai giải quyết việc lao động thụ lý số 04/2024/TLST-VLĐ ngày 09 tháng 10 năm 2024 về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo Quyết định mở phiên họp sơ thẩm giải quyết việc lao động số 08/2024/QĐST-VLĐ ngày 30 tháng 10 năm 2024, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

1. Người yêu cầu giải quyết việc lao động:

Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh năm 1987 (Vắng mặt).

Địa chỉ: B khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

2. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Bà Võ Kim P, sinh năm 1995 (Vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp T, thị trấn Ó, huyện T, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: B khóm T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Công ty TNHH M (Vắng mặt).

Trụ sở: Số A đường T, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

- Bảo hiểm xã hội tỉnh A (Vắng mặt).

Trụ sở: Số A đường L, phường M, thành phố L, tỉnh An Giang.

NỘI DUNG VIỆC LAO ĐỘNG:

Theo đơn yêu cầu ngày 08/10/2024, ngày 24/10/2024 bà Nguyễn Thị Huyền T trình bày nội dung và yêu cầu lao động yêu cầu Tòa án giải quyết như sau:

Vào năm 2011 bà Nguyễn Thị Huyền T có cho bà Võ Kim P mượn giấy chứng minh nhân dân để xin vào làm công nhân may tại Công ty TNHH M. Do sử dụng giấy tờ mượn để tham gia lao động nên hồ sơ bảo hiểm xã hội của Võ Kim P mang tên Nguyễn Thị Huyền T (Số sổ bảo hiểm xã hội 8911007106). Trong thời điểm này bà cũng đang làm công nhân may tại Công ty M1 cũng tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 3 năm 2006 sổ bảo hiểm xã hội ghi đúng tên bà là Nguyễn Thị Huyền T (Số sổ bảo hiểm xã hội 5007008640). Qua kiểm tra ngành chức năng của tỉnh phát hiện một người cùng lúc đứng tên 02 sổ bảo hiểm xã hội tại hai nơi làm việc khác nhau nên đã yêu cầu chấm dứt một trường hợp để đảm bảo đúng quy định của pháp luật, bảo vệ quyền lợi chính đáng của người lao động hưởng bảo hiểm xã hội. Sau khi sự việc xảy ra thì bà Võ Kim P đã xin thôi việc. Hiện tại bà không nhận được các chế độ bảo hiểm xã hội theo quy định do cùng một người nhưng có 02 sổ bảo hiểm xã hội. Do đó, để bảo đảm quyền và lợi ích hợp pháp của bà. Bà yêu cầu Tòa án giải quyết: Tuyên bố Hợp đồng lao động số 2747 từ ngày 03/03/2011 đến ngày 01/6/2012 và Hợp đồng lao động số 3892 từ ngày 18/9/2012 đến ngày 14/12/2013 ký giữa người lao động (ghi trên hợp đồng) là bà Nguyễn Thị Huyền T (do Võ Kim P trực tiếp ký giao kết, thực hiện) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH M vô hiệu toàn bộ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Võ Kim P: Thống nhất việc bà có mượn giấy tờ tùy thân của bà T để vào làm công nhân tại Công ty TNHH M, hiện tại do bà đã nghỉ việc lâu quá nên không nhớ được chính xác thời gian làm việc cũng như nghỉ việc tại Công ty TNHH M.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Công ty TNHH M không có ý kiến trình bày tuy nhiên Công đoàn cơ sở của Công ty TNHH M có gửi tờ tường trình số 18, ngày 24/10/2024 cho Tòa án cung cấp các thông tin như sau:

1/ Tháng 11/2023 Công ty M tuyển dụng chị Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 12/11/1987, CCCD số 089187028918 cấp ngày 22/11/2021 cư ngụ 26/6A khóm T, phường M, thành phố L, An Giang vào làm.

Ngày 02/01/2024 Công ty làm thủ tục tiến hành ký kết hợp đồng lao động dài hạn lúc này chị Huyền T mới trình bày là đang gặp khó khăn trong quá trình nhận tiền chế độ Bảo hiểm xã hội 1 lần do trước đây cho Võ Kim P (là em gái cùng mẹ khác cha) mượn hồ sơ nhân thân để vào công ty làm và đồng thời xin tạm hoãn tham gia bảo hiểm xã hội để giải quyết cho xong.

Công ty đã không thể chờ đợi thêm được nên ngày 01/4/2024 công ty đã yêu cầu chị Huyền T ký hợp đồng lao động số 8951 với thời hạn không xác định từ ngày 01/4/2024 và tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 4/2024 với số sổ bảo hiểm 5007008640.

2/ Sau khi nắm bắt được thông tin trên, Công ty M đã tra soát lại quá trình làm việc của Võ Kim P với hồ sơ nhân thân Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày

12/11/1987, CMND số 351844777 cấp ngày 23/6/2004, cư ngụ 26/6, T, Mỹ Q, L, An Giang tại công ty như sau:

* Lần thứ 1 hợp đồng lao động số 2747 với thời hạn hợp đồng:

- Hợp đồng lao động dưới 3 tháng từ ngày 03/3/2011 đến 01/6/2011;
- Hợp đồng lao động 01 năm từ ngày 01/6/2011 đến 01/6/2012 (bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 6/2011 với sổ BHXH là 8911007106).

Đến ngày 07/3/2012 Nguyễn Thị Huyền T (thực tế là Võ Kim P) đơn phương bỏ việc nên công ty ra quyết định thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 15/4/2012 (ngừng đóng và chốt sổ BHXH từ tháng 4/2012).

* Lần thứ 2 hợp đồng lao động số 3892:

- Hợp đồng lao động dưới 3 tháng từ ngày 18/9/2012 đến 14/12/2012;
- Hợp đồng lao động 01 năm từ ngày 14/12/2012 đến 14/12/2013 (bắt đầu tham gia bảo hiểm xã hội từ tháng 12/2012 với sổ BHXH là 8911007106).

Đến ngày 27/02/2013 Nguyễn Thị Huyền T (thực tế là Võ Kim P) đơn phương bỏ việc nên công ty ra quyết định thôi việc, chấm dứt hợp đồng lao động kể từ ngày 14/3/2013 (ngừng đóng và chốt sổ BHXH từ tháng 3/2013).

Hồ sơ đã nghỉ việc từ tháng 4/2012 và tháng 3/2013 nên công ty không còn lưu trữ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Bảo hiểm xã hội tỉnh An Giang:

Thông tin đóng bảo hiểm xã hội (BHXH), bảo hiểm thất nghiệp (BHTN), bảo hiểm y tế (BHYT) của bà Nguyễn Thị Huyền T.

- Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 12/11/1987, căn cước công dân số 089187028918, đã lập Tờ khai tham gia BHXH, BHTN, BHYT ngày 14/6/2011, có quá trình đóng BHXH, BHTN, BHYT từ tháng 6/2011 đến tháng 02/2013 tại Công ty TNHH M với mã số BHXH 8911007106 (từ tháng 4/2012 đến tháng 11/2012 không tham gia BHXH).

- Bà Nguyễn Thị Huyền T, sinh ngày 12/11/1987, căn cước công dân số 089187028918, mã số BHXH 5007008640, có quá trình đóng BHXH, BHTN, BHYT:

- + Từ tháng 3/2006 đến tháng 4/2013 tại Xí nghiệp M2;
- + Từ tháng 7/2013 đến tháng 5/2015 tại Công ty TNHH M;
- + Từ tháng 6/2015 đến tháng 8/2022 tại Công ty TNHH M;
- + Từ tháng 4/2024 đến tháng 9/2024 tại Công ty TNHH M.

Đối với yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu của bà Nguyễn Thị Huyền T: Căn cứ các Điều 49, Điều 50 và Điều 51, Mục 4 –Hợp đồng lao động vô hiệu của Bộ luật Lao động số 45/2019/QH14. Dựa vào kết quả giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, BHXH tỉnh A sẽ thực hiện điều chỉnh thông tin cá nhân của người tham gia BHXH trên sổ BHXH theo quy định.

Tại phiên họp:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật: Thẩm phán, Thư ký trong quá trình giải quyết việc lao động và tại phiên họp đã chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Người yêu cầu chấp hành đúng quyền và nghĩa vụ của đương sự theo quy định tại Bộ luật Tố tụng Dân sự.

- Việc giải quyết việc lao động:

Căn cứ Điều 122 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 (Điều 117, 127, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015); Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;

Chấp nhận yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ của bà Nguyễn Thị Huyền T đối với Hợp đồng lao động số 2747 từ ngày 03/03/2011 đến ngày 01/6/2012 và Hợp đồng lao động số 3892 từ ngày 18/9/2012 đến ngày 14/12/2013 ký kết giữa người lao động bà Nguyễn Thị Huyền T (do Võ Kim P trực tiếp ký) với người sử dụng lao động Công ty TNHH M.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ việc lao động được thẩm tra tại phiên họp; ý kiến của đương sự và đại diện Viện kiểm sát tại phiên họp, Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: căn cứ quy định tại khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự và Điều 50 Bộ luật lao động năm 2019 xác định: hợp đồng lao động giữa bà T và Công ty TNHH M được giao kết và thực hiện tại thành phố L nên đơn yêu cầu giải quyết việc lao động về “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” của bà T thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Long Xuyên, tỉnh An Giang.

[1.2] Quyền yêu cầu: căn cứ đơn yêu cầu giải quyết việc lao động và các tài liệu, chứng cứ kèm theo thì bà T là người có tên trên hợp đồng lao động, việc thực hiện hợp đồng lao động ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của bà T. Vì vậy, bà T có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc lao động về việc “Yêu cầu tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu” theo quy định tại Điều 401 Bộ luật Tố tụng Dân sự và khoản 1 Điều 3 Bộ luật lao động năm 2019.

[1.3] Tại phiên họp người yêu cầu có đơn đề nghị Tòa án giải quyết việc dân sự vắng mặt họ; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt: căn cứ vào khoản 2 và khoản 3 Điều 367 Bộ luật Tố tụng Dân sự Tòa án vẫn tiến hành phiên họp.

[2] Xét yêu cầu của bà T:

[2.1] Về hiệu lực của hợp đồng lao động: Bà Võ Kim P có sử dụng hồ sơ xin việc mang tên Nguyễn Thị Huyền T để giao kết hợp đồng lao động số 2747 từ

ngày 03/03/2011 đến ngày 01/6/2012 và hợp đồng lao động số 3892 từ ngày 18/9/2012 đến ngày 14/12/2013 với người sử dụng lao động là Công ty TNHH M; đến năm 2013 thì nghỉ việc. Xét thấy, việc bà P mượn hồ sơ mang thông tin của bà T để giao kết Hợp đồng lao động với Công ty TNHH M như đã nêu trên, trong khi người lao động trên thực tế là bà P, việc này là giả mạo thông tin, vi phạm nguyên tắc trung thực và vi phạm nghĩa vụ cung cấp thông tin cá nhân khi giao kết giao dịch dân sự theo quy định tại Điều 122 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 15 và khoản 2 Điều 16 Bộ luật lao động năm 2019. Do đó, căn cứ điểm b khoản 1 Điều 49 Bộ luật lao động năm 2019 thì Hợp đồng lao động số 2747 từ ngày 03/03/2011 đến ngày 01/6/2012 và hợp đồng lao động số 3892 từ ngày 18/9/2012 đến ngày 14/12/2013 giữa người lao động Nguyễn Thị Huyền T (do bà Võ Kim P trực tiếp giao kết, thực hiện) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH M vô hiệu toàn bộ.

[2.2] Giải quyết hậu quả của hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ: trong thời gian từ ngày 03/03/2011 đến ngày 01/6/2012 và Hợp đồng lao động số 3892 từ ngày 18/9/2012 đến ngày 14/12/2013, Công ty TNHH M đã đóng tiền bảo hiểm xã hội cho bà P (sổ bảo hiểm đứng tên bà T theo Sổ bảo hiểm số 8911007106). Nay hợp đồng lao động vô hiệu toàn bộ, phía Công ty TNHH M không có yêu cầu thoái thu số tiền bảo hiểm này để hoàn trả lại cho Công ty. Bảo hiểm xã hội tỉnh A xác định sẽ thực hiện điều chỉnh thông tin cá nhân của người tham gia bảo hiểm xã hội trên sổ bảo hiểm xã hội theo quy định. Nên Tòa án không xem xét số tiền bảo hiểm xã hội mà các bên đã thực hiện theo Sổ bảo hiểm số 8911007106.

[3] Về lệ phí sơ thẩm giải quyết việc lao động: bà T phải chịu lệ phí việc lao động sơ thẩm theo quy định.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ:

- Khoản 1 Điều 33, điểm d khoản 2 Điều 35, điểm v khoản 2 Điều 39; khoản 2 và khoản 3 Điều 367, Điều 401 và Điều 402 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 122 và Điều 132 Bộ luật Dân sự năm 2005;
- Các Điều 117, 127, 688 Bộ luật Dân sự năm 2015;
- Khoản 1 Điều 15, khoản 2 Điều 16, Điều 49, Điều 50, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Lao động năm 2019;
- Khoản 1 Điều 37 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Huyền T về việc tuyên bố hợp đồng lao động vô hiệu.

Tuyên bố Hợp đồng lao động số 2747 từ ngày 03/03/2011 đến ngày 01/6/2012 và Hợp đồng lao động số 3892 từ ngày 18/9/2012 đến ngày 14/12/2013 giữa người lao động (ghi trên hợp đồng) là bà Nguyễn Thị Huyền T (do Võ Kim P

trực tiếp ký giao kết, thực hiện) với người sử dụng lao động là Công ty TNHH M vô hiệu toàn bộ.

2. Về lệ phí giải quyết việc lao động: bà T phải chịu 300.000 đồng lệ phí sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tạm ứng lệ phí đã nộp theo Biên lai thu tiền số 0001520 ngày 08 tháng 10 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Long Xuyên (đã nộp xong).

3. Quyền kháng cáo, kháng nghị:

Bà T có quyền kháng cáo quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được quyết định hoặc kể từ ngày quyết định được thông báo, niêm yết.

Viện kiểm sát nhân dân thành phố Long Xuyên có quyền kháng nghị quyết định giải quyết việc lao động trong thời hạn 10 ngày, Viện kiểm sát nhân dân tỉnh An Giang có quyền kháng nghị trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6; 7; 7a; 7b và 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh An Giang;
- VKSND tp. Long Xuyên;
- Chi cục THADS tp. Long Xuyên;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Lê Thị Bé Thu